



WATERPROOFING MEMBRANCE ACE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

WATERPROOFING MEMBRANCE ACE được tạo thành chủ yếu từ nhựa urethane đàn hồi với mục đích cung cấp cho mái nhà một lớp bảo vệ tối ưu trước tác động của nước và khí hậu. Loại sơn này đã trải qua những thử nghiệm khắc nghiệt dưới nhiều mức nhiệt độ khác nhau để kiểm chứng sự đàn hồi trước tác động của thời tiết.

II. CÁCH SỬ DỤNG

Là lớp phủ chống thấm trung gian, sử dụng trên bê tông, gạch nơi yêu cầu chống thấm.

III. QUY TRÌNH ÁP DỤNG

1. Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt không được có bột xi măng, bụi, dầu, độ ẩm và các chất bám bẩn khác.

2. Điều kiện môi trường

Nhiệt độ không khí: 10~35°C

Nhiệt độ bề mặt: Dưới 40°C

Độ ẩm: dưới 80%

Điểm sương: nhiệt độ bề mặt phải cao hơn điểm sương ít nhất 3°C

3. Công cụ sử dụng

Cào răng cưa

4. Thận trọng

a) Tỷ lệ trộn phải được theo dõi và khuấy đều bằng máy khuấy trong khoảng 3~5 phút trước khi sử dụng (Dùng máy khuấy điện có công suất từ 1000RPM, 500W)

b) Tránh tiếp xúc với mắt và da

c) Đảm bảo thông gió trong quá trình thi công

d) Sử dụng hỗn hợp trộn trong phạm vi vòng đời (20°C, 30 phút)

e) Không trộn với các sản phẩm sơn khác

f) Trộn thinner vào sơn (với lượng rất nhỏ trong trường hợp cần thiết)

g) Kiểm tra tỷ lệ thinner trước khi sơn vì bề mặt lớp sơn có thể thay đổi bởi thinner.

5. Cảnh báo

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

6. Hệ thống khuyến nghị

Sơn lót: Urethane Waterproof Master 100

Sơn trung gian:

WATERPROOFINGMEMBRANCE ACE

Sơn hoàn thiện: Urethane Waterproof Master 355

| DỮ LIỆU VẬT LÝ | | | |
|--------------------------------|---|-------|-------|
| Hoàn thành | Bán bóng | | |
| Màu | Xanh, xám... | | |
| Sử dụng với | Bê tông, mortal | | |
| Số thành phần | 2 | | |
| Tỷ lệ trộn (KG) | TPA : TPB= 3 : 1 | | |
| Tỷ lệ chất rắn | 92±2% | | |
| Độ dày lớp sơn khô khuyến dùng | 3mm | | |
| Số lớp | 1~2 | | |
| Độ ph lý thuyết | 4,6 kg/m ² (Với độ dày lớp sơn 3mm, chưa bao gồm hao hụt trong thi công và sự bất thường của bề mặt) | | |
| Pha loãng | Dưới 3% (trên tổng khối lượng) | | |
| Thinner | Urethane 1000 thinner, T-1021 | | |
| Thời gian lưu kho | 6 tháng (khi lưu trữ trong kho ở 5~35°C) | | |
| Đơn vị đóng gói | 15KG/5KG | | |
| | 5°C | 20°C | 30°C |
| Thời gian xử lý (giờ) | 48 | 24 | 18 |
| Thời gian khô (ngày) | 10 | 5 | 3 |
| Vòng đời sau khi trộn (phút) | 40 | 30 | 20 |
| Sơn chồng lớp mới sau(giờ) | 48~96 | 24~48 | 18~48 |



CÔNG TY TNHH SAMHWA – VH
Lô B-13, Đường D2, KCN Long Đức, xã An Phước,
huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SĐT: 02513.681.473

| | | | |
|------------|---------------------|-------------------|------------|
| Sức căng | >550% | Độ bền va đập | >12.8 N/mm |
| Độ co giãn | >2 N/m ² | Độ cứng (shore A) | 50~70 |